

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP I

- \* -

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 572/TCCB-QĐ

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 1998

**QUYẾT ĐỊNH CỦA HIỆU TRƯỞNG**  
(V/v Công nhận danh hiệu thi đua năm học 1997-1998)  
**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP I**

- Căn cứ quyết định số 01NN/QĐ ngày 4/2/1965 của Bộ Nông nghiệp về việc thành lập trường Đại học Nông nghiệp và quyết định số 124 CP ngày 14/8/1967 của Hội đồng chính phủ về việc đổi tên trường Đại học Nông nghiệp thành trường Đại học Nông nghiệp I.

- Căn cứ quyết định số 622/TCCB ngày 12/7/1985 của Bộ Đại học Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phân cấp quản lý cho Hiệu trưởng các trường đại học trực thuộc.

- Xét đề nghị của Hội đồng Thi đua khen thưởng trường.

- Xét đề nghị của ông trưởng phòng Tổ chức cán bộ.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1 :** Công nhận danh hiệu Lao động giỏi năm học 1997-1998 cho 641 CBCNV của trường có tên sau ( trong danh sách đính kèm).

Trong đó: 324 cán bộ giảng dạy đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi;  
272 người đạt danh hiệu phục vụ giỏi;  
29 người đạt danh hiệu Học giỏi;  
16 người đạt danh hiệu Quản lý giỏi.

**Điều 2 :** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký

**Điều 3 :** Các ông bà trưởng phòng TCCB, HCKH, Tài vụ, trưởng các đơn vị liên quan và các cá nhân có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *hu*

Nơi nhận :

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP I



BS PTS. *Nguyễn Đức Hùng*



DANH SÁCH DANH HIỆU THI ĐUA  
NĂM HỌC 1997-1998

(Bính kèm QĐ số: /TCCB-1998-QĐ, ngày 20/10/1998)

| STT              | Họ và tên              | Đơn vị   | Chức danh    | DHTĐ | Ghi chú |
|------------------|------------------------|----------|--------------|------|---------|
| 1. Khoa Nông học |                        |          |              |      |         |
| 1                | 1 Nguyễn thị hằng Nga  | B.Cây    | Ktv          | PVG  |         |
| 2                | 2 Vũ triệu Mân         | B.Cây    | Gs96,ph/khoa | DG   |         |
| 3                | 3 Nguyễn kim Vân       | B.Cây    | Gvc,Tr BM    | DG   |         |
| 4                | 4 Ngô thị bích Hào     | B.Cây    | Gv           | DG   |         |
| 5                | 5 Bùi trọng Thủy       | B.Cây    | Gv           | DG   |         |
| 6                | 6 Nguyễn văn Viên      | B.Cây    | Gvc,phó BM   | DG   |         |
| 7                | 7 Đỗ tấn Dũng          | B.Cây    | Gv           | DG   |         |
| 8                | 8 Ngô thị Xuyên        | B.Cây    | Gv           | DG   |         |
| 9                | 9 Hà Viết Cường        | B.Cây    | Gv           | DG   |         |
| 10               | 10 Bùi xuân Sửu        | CCN      | Gv           | DG   |         |
| 11               | 11 Đoàn thị Thanh Nhân | CCN      | Pgs96,tr. BM | DG   |         |
| 12               | 12 Nguyễn văn Bình     | CCN      | Gvc          | DG   |         |
| 13               | 13 Bùi thị Tịnh        | CCN      | Gvc          | DG   |         |
| 14               | 14 Nguyễn đình Vinh    | CCN      | Gv           | HG   |         |
| 15               | 15 Vũ đình Chính       | CCN      | Gv, PBM      | DG   |         |
| 16               | 16 Tăng thị Năm        | CCN      | Kysu         | PVG  |         |
| 17               | 17 Nguyễn thiện Huyền  | CLT      | Gv           | DG   |         |
| 18               | 18 Vũ thị Tám          | CLT      | Gv           | DG   |         |
| 19               | 19 Nguyễn hữu Tề       | CLT      | Gs96,Tr.khoa | DG   |         |
| 20               | 20 Hà công Vượng       | CLT      | Gvc          | DG   |         |
| 21               | 21 Ngô thị Hằng        | CLT      | Kysu         | PVG  |         |
| 22               | 22 Nguyễn thế Hùng     | CLT      | Gv, PBM      | DG   |         |
| 23               | 23 Đinh thế Lộc        | CLT      | Pgs          | DG   |         |
| 24               | 24 Nguyễn thị Nhiệm    | DT.Giống | Kysu         | PVG  |         |
| 25               | 25 Nguyễn thị Trâm     | DT.Giống | Pgs96        | DG   |         |
| 26               | 26 Kiều thị Thư        | DT.Giống | Gvc          | DG   |         |
| 27               | 27 Nguyễn thị Văn      | DT.Giống | Gvc          | DG   |         |
| 28               | 28 Lê chí Dân          | DT.Giống | nvkt         | PVG  |         |
| 29               | 29 Nguyễn văn Hoan     | DT.Giống | Gvc, PBM     | DG   |         |
| 30               | 30 Nguyễn văn Hiến     | DT.Giống | Pgs96,TrBM   | DG   |         |
| 31               | 31 Phan hữu Tôn        | DT.Giống | Gv,Phó khoa  | DG   |         |
| 32               | 32 Nguyễn hồng Minh    | DT.Giống | Gvc          | DG   |         |
| 33               | 33 Nguyễn văn Khoát    | N.Học    | nvkt         | PVG  |         |
| 34               | 34 Đinh thị Vân        | V.P      | Cansu        | PVG  |         |
| 35               | 35 Mai văn Tư          | V.P      | Ch/v         | PVG  |         |
| 36               | 36 Nguyễn thị Thúy B   | V.P      | nvkt         | PVG  |         |
| 37               | 37 Phạm văn Côn        | R-H-Q    | Pgs,Tr.BM    | DG   |         |



| STT | Họ và Tên               | Đơn vị   | chức danh     | DHTĐ | Ghi chú |
|-----|-------------------------|----------|---------------|------|---------|
| 38  | 38 Phạm thị Hương       | R-H-Q    | Gv            | DG   |         |
| 39  | 39 Nông thị Mai Phương  | R-H-Q    | nvkt          | PVG  |         |
| 40  | 40 Nghiêm thị Bích Hà   | R-H-Q    | Gvc           | DG   |         |
| 41  | 41 Hoàng ngọc Thuận     | R-H-Q    | Gvc           | DG   |         |
| 42  | 42 Đoàn văn Lu          | R-H-Q    | Gvc, phó BM   | DG   |         |
| 43  | 43 Lê Thị Thắm          | R-H-Q    | KTV           | PVG  |         |
| 44  | 44 Nguyễn thị lý Anh    | SLTV     | Gv            | DG   |         |
| 45  | 45 Vũ quang Sáng        | SLTV     | Gvc, PBM      | DG   |         |
| 46  | 46 Nguyễn quang Thạch   | SLTV     | Pgs96, H. Phó | QLG  |         |
| 47  | 47 Mai thị Tân          | SLTV     | Gvc           | HG   |         |
| 48  | 48 Nguyễn thị Kim Thanh | SLTV     | Gv            | DG   |         |
| 49  | 49 Nguyễn thị Bạch Yến  | SLTV     | nvkt          | PVG  |         |
| 50  | 50 Huỳnh minh Tấn R     | SLTV     | Gs96, TrKhoa  | DG   |         |
| 51  | 51 Nguyễn thị Nhấn      | SLTV     | Gv            | DG   |         |
| 52  | 52 Phạm chí Thành       | STMT     | Pgs           | DG   |         |
| 53  | 53 Nguyễn thị Báu       | STMT     | nvkt          | PVG  |         |
| 54  | 54 Trần quang Tộ        | STMT     | Gvc           | DG   |         |
| 55  | 55 Trần danh Thìn       | STMT     | Gv            | DG   |         |
| 56  | 56 Đoàn văn Điểm        | STMT     | Gvc, PBM      | DG   |         |
| 57  | 57 Phạm tiến Dũng       | STMT     | Gvc           | DG   |         |
| 58  | 58 Phạm văn Phê         | STMT     | Gvc, phó BM   | DG   |         |
| 59  | 59 Nguyễn Thanh Lâm     | STMT     | Gv            | DG   |         |
| 60  | 60 Trần đức Viên        | STMT     | Gv, Tr BM     | DG   |         |
| 61  | 61 Nguyễn thị Lan R     | Tại chức | Gvc, ph. khoa | DG   |         |
| 62  | 62 Đoàn thị Hằng        | D. Tầm   | Kysu          | PVG  |         |
| 63  | 63 Bùi thị Điểm         | D. Tầm   | Gv            | HG   |         |
| 64  | 64 Nguyễn văn Long      | D. Tầm   | Pgs96, PBM    | DG   |         |
| 65  | 65 Nguyễn huy Trí       | D. Tầm   | Gvc           | HG   |         |
| 66  | 66 Đỗ thị Châm          | D. Tầm   | Pgs96, Tr. BM | DG   |         |
| 67  | 67 Trần thị Ngọc        | D. Tầm   | Gv            | DG   |         |
| 68  | 68 Lê xuân Thiện        | C. Trùng | Gv            | DG   |         |
| 69  | 69 Phạm thị Minh R      | C. Trùng | Kysu          | PVG  |         |
| 70  | 70 Nguyễn minh Mầu      | C. Trùng | Gv            | HG   |         |
| 71  | 71 Trần đình Chiến      | C. Trùng | Gvc, phó BM   | HG   |         |
| 72  | 72 Hồ thị thu Giang     | C. Trùng | Gv            | HG   |         |
| 73  | 73 Đặng thị Dung        | C. Trùng | Gv            | HG   |         |
| 74  | 74 Nguyễn đức Khiêm     | C. Trùng | Gvc           | DG   |         |
| 75  | 75 Nguyễn thị Kim Oanh  | C. Trùng | Gv            | DG   |         |
| 76  | 76 Phạm thị Lua         | T. Vật   | Kysu          | PVG  |         |
| 77  | 77 Đoàn văn Minh        | T. Vật   | Gv            | DG   |         |
| 78  | 78 Nguyễn thị Việt Nga  | T. Vật   | Gv, phó BM    | DG   |         |
| 79  | 79 Nguyễn Hạnh Hoa      | T. Vật   | Gv            | DG   |         |

2 Khoa CNTY

|    |   |                |       |             |     |
|----|---|----------------|-------|-------------|-----|
| 80 | 1 | Nguyễn thị Hợi | NS-BV | nvkt        | PVG |
| 81 | 2 | Sử Thanh Long  | NS-BV | Kỹ sư       | HG  |
| 82 | 3 | Phạm văn Khấn  | NS-BV | Gvc, phó BM | DG  |



| STT | Họ và Tên                         | Đơn vị   | chức danh     | DHTĐ | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------|----------|---------------|------|---------|
| 83  | 4 Nguyễn văn Thanh                | NS-BV    | Gvc           | DG   |         |
| 84  | 5 Trần tiến Dũng <i>R</i>         | NS-BV    | Gvc, Tr. khoa | DG   |         |
| 85  | 6 Nguyễn thị Xuyên                | Trại CN  | nvkt          | PVG  |         |
| 86  | 7 Trần thị Việt                   | Trại CN  | Kysu          | PVG  |         |
| 87  | <i>Q</i> 8 Võ trọng Hót           | CNCK     | Pgs, Tr. BM   | DG   |         |
| 88  | 9 Phạm quang Hùng                 | CNCK     | Gvc, Ph/Ph    | DG   |         |
| 89  | 10 Nguyễn khắc Tích               | CNCK     | Pgs96         | DG   |         |
| 90  | 11 Nguyễn trọng Tiến              | CNCK     | Pgs, Phó Khoa | DG   |         |
| 91  | 12 Bùi hữu Đoàn                   | CNCK     | Gvc, tr. phg  | DG   |         |
| 92  | 13 Đoàn Thị Liên                  | CNCK     | Gvc           | DG   |         |
| 93  | 14 Nguyễn thị Mai                 | CNCK     | Gvc           | HG   |         |
| 94  | 15 Đinh thị Nông                  | CNCK     | Gvc           | DG   |         |
| 95  | 16 Nguyễn thị Vỹ                  | CNCK     | Ktv           | PVG  |         |
| 96  | 17 Nguyễn văn Thắng               | CNCK     | Gv            | DG   |         |
| 97  | 18 Mai thị Thơm                   | CNCK     | Gvc           | DG   |         |
| 98  | 19 Nguyễn xuân Trạch              | CNCK     | Gv            | HG   |         |
| 99  | 20 Nguyễn thị Tú                  | CNCK     | Gv            | DG   |         |
| 100 | 21 Vũ đình Tôn <i>R</i>           | QHQT     | Gv            | DG   |         |
| 101 | 22 Phạm khắc Hiếu                 | NC-DL    | Pgs           | DG   |         |
| 102 | 23 Phan thị Bích Thực             | NC-DL    | Ktv           | PVG  |         |
| 103 | 24 Chu đức Thắng                  | NC-DL    | Gv            | DG   |         |
| 104 | 25 Phạm ngọc Thạch                | NC-DL    | Gv            | DG   |         |
| 105 | 26 Phạm Thị Khánh                 | NC-DL    | Kỹ sư         | PVG  |         |
| 106 | 27 Lê thị Ngọc Diệp               | NC-DL    | Gvc           | DG   |         |
| 107 | 28 Nguyễn thị Đào Nguyên          | NC-DL    | Gvc, phó BM   | DG   |         |
| 108 | 29 Hồ văn Nam                     | NC-DL    | Gs, Tr. BM    | DG   |         |
| 109 | 30 Đinh văn Chính                 | DTG      | Pgs96, Tr. BM | DG   |         |
| 110 | 31 Đặng vũ Bình                   | DTG      | Pgs96, Tr. kh | DG   |         |
| 111 | 32 Phan thị Liên Phương           | DTG      | Gvc           | DG   |         |
| 112 | 33 Nguyễn thị Nhã                 | DTG      | Ktv           | PVG  |         |
| 113 | 34 Phan xuân Hảo                  | DTG      | Gv            | DG   |         |
| 114 | 35 Nguyễn hải Quân                | DTG      | Pgs96, phó BM | DG   |         |
| 115 | 36 Nguyễn văn Kinh                | SL-SH-BV | Pgs96, Tr. BM | DG   |         |
| 116 | 37 Trần thị Lộc                   | SL-SH-BV | Gv            | DG   |         |
| 117 | 38 Tiết hồng Ngân                 | SL-SH-BV | Gvc           | DG   |         |
| 118 | 39 Vũ thị Hiền                    | SL-SH-BV | nvkt          | PVG  |         |
| 119 | 40 Nguyễn bá Mùi                  | SL-SH-BV | Gv            | DG   |         |
| 120 | 41 Lê mạnh Dũng                   | SL-SH-BV | Gv, phó BM    | DG   |         |
| 121 | 42 Dương thị Kim Qui              | SL-SH-BV | Ktv           | PVG  |         |
| 122 | <i>*</i> 43 Nguyễn thị Ngọc Thanh | SL-SH-BV | Gvc           | DG   |         |
| 123 | 44 Nguyễn văn Kiệm                | SL-SH-BV | Gv            | HG   |         |
| 124 | 45 Cù xuân Dân                    | SL-SH-BV | Gs            | DG   |         |
| 125 | 46 Phạm thị Tâm                   | SL-SH-BV | nvkt          | PVG  |         |
| 126 | 47 Nguyễn Thị Nguyệt              | SL-SH-BV | Gv            | HG   |         |
| 127 | 48 Đỗ Văn Chùng                   | SL-SH-BV | Gv            | DG   |         |
| 128 | 49 Ng. Thị Thanh Hà               | SL-SH-BV | Gv            | DG   |         |
| 129 | 50 Nguyễn đình Nhung              | TC-GP-PT | Gvc           | DG   |         |
| 130 | <i>*</i> 51 Trần duy Ty           | TC-GP-PT | Gvc           | DG   |         |



| STT | Họ và Tên |                  |       | Bon vị    | chức danh      | DHTB | Ghi chú |
|-----|-----------|------------------|-------|-----------|----------------|------|---------|
| 131 | 52        | Nguyễn thị       | Thoa  | TC-GP-PT  | Kysu           | PVG  |         |
| 132 | 53        | Đào thị          | Yên   | TC-GP-PT  | Kysu           | PVG  |         |
| 133 | 54        | Trịnh Thị Thơ    | Thơ   | TC-GP-PT  | Pgs96          | DG   |         |
| 134 | 55        | Nguyễn Bá        | Tiếp  | TC-GP-PT  | Gv             | PVG  |         |
| 135 | 56        | Phạm văn         | Tự    | TC-GP-PT  | Gvc, Tr. phòng | DG   |         |
| 136 | 57        | Lê văn           | Muôn  | V. Phòng  | Ch/v           | PVG  |         |
| 137 | 58        | Hoàng            | Sơn   | V. Phòng  | nvkt           | PVG  |         |
| 138 | 59        | Nguyễn bá        | Hiên  | VSV-TN-BL | Gvc, PBM       | DG   |         |
| 139 | 60        | Nguyễn thị Lê    | Hoa   | VSV-TN-BL | Gvc            | DG   |         |
| 140 | 61        | Vũ               | Đạt   | VSV-TN-BL | Pgs, TrBM      | DG   |         |
| 141 | 62        | Trương           | Quang | VSV-TN-BL | Gvc, Ph. Khoa  | DG   |         |
| 142 | 63        | Nguyễn Quỳnh     | Hoa   | VSV-TN-BL | Kysu           | PVG  |         |
| 143 | 64        | Trần Thị Lan     | Hương | VSV-TN-BL | Gv             | DG   |         |
| 144 | 65        | Lê thị           | Khiêm | VSV-TN-BL | nvkt           | PVG  |         |
| 145 | 66        | Nguyễn Thị Thanh | Nhàn  | VSV-TN-BL | KTV            | PVG  |         |
| 146 | 67        | Nguyễn hữu       | Nam   | VSV-TN-BL | Gvc            | HG   |         |
| 147 | 68        | Trần văn         | Quyên | KST-VSGS  | Gvc            | DG   |         |
| 148 | 69        | Vũ Kim           | Hoa   | KST-VSGS  | nvkt           | PVG  |         |
| 149 | 70        | Lại thị          | Cúc   | KST-VSGS  | Gvc            | DG   |         |
| 150 | 71        | Đỗ ngọc          | Hòa   | KST-VSGS  | Gvc, PBM       | DG   |         |
| 151 | 72        | Nguyễn văn       | Thọ   | KST-VSGS  | Gv             | DG   |         |
| 152 | 73        | Lê thị Tuyết     | Minh  | KST-VSGS  | Gvc            | DG   |         |
| 153 | 74        | Phan văn         | Lục   | KST-VSGS  | Pgs, Tr BM     | DG   |         |
| 154 | 75        | Dương Văn        | Nhiệm | KST-VSGS  | Gv             | LBG  |         |
| 155 | 76        | Phạm hồng        | Ngân  | KST-VSGS  | Gv             | DG   |         |
| 156 | 77        | Nguyễn thị Bình  | Tâm   | KST-VSGS  | Gv             | DG   |         |
| 157 | 78        | Tôn thất         | Sơn   | TA-VSV    | Gvc, Ph/Phòng  | DG   |         |
| 158 | 79        | Đỗ thị           | Tâm   | TA-VSV-ĐC | Gvc            | DG   |         |
| 159 | 80        | Bùi quang        | Tuấn  | TA-VSV-ĐC | Gv             | HG   |         |
| 160 | 81        | Nguyễn thị Lương | Hồng  | TA-VSV-ĐC | Gvc            | DG   |         |
| 161 | 82        | Nguyễn thị       | Bảy   | TA-VSV-ĐC | nvkt           | PVG  |         |
| 162 | 83        | Nguyễn khắc      | Tuấn  | TA-VSV-ĐC | Gvc, Tr. BM    | DG   |         |
| 163 | 84        | Phạm thị         | Yến   | TA-VSV-ĐC | Kysu           | PVG  |         |
| 164 | 85        | Vũ duy           | Giảng | TA-VSV-ĐC | Gs96, H. Phó   | DG   |         |

3 Khoa QLRB

|     |    |              |      |        |               |     |  |
|-----|----|--------------|------|--------|---------------|-----|--|
| 165 | 1  | Nguyễn Tất   | Tổ   | TN-CT  | nvkt          | PVG |  |
| 166 | 2  | Hà học       | Ngô  | TN-CT  | Gs96          | DG  |  |
| 167 | 3  | Phạm ngọc    | Dũng | TN-CT  | Pgs96, TrBM   | DG  |  |
| 168 | 4  | Nguyễn đức   | Quý  | TN-CT  | Pgs96         | DG  |  |
| 169 | 5  | Hà Thị Thanh | Bình | TN-CT  | Gvc, Ph/Ph    | DG  |  |
| 170 | 6  | Nguyễn văn   | Dung | TN-CT  | Gvc           | HG  |  |
| 171 | 7  | Trần thị     | Hiên | TN-CT  | Gv            | DG  |  |
| 172 | 8  | Nguyễn tất   | Cảnh | TN-CT  | Gv            | HG  |  |
| 173 | 9  | Nguyễn ích   | Tân  | TN-CT  | Gv, Tr. Phòng | HG  |  |
| 174 | 10 | Nguyễn nhật  | Tân  | QH Đất | Pgs           | DG  |  |
| 175 | 11 | Đoàn công    | Quý  | QH Đất | Gv, PBM       | HG  |  |



| STT | Họ và Tên |                 | Đơn vị  | chức danh | DHTB         | Ghi chú |
|-----|-----------|-----------------|---------|-----------|--------------|---------|
| 176 | 12        | Vũ thị          | Bình    | QH Đất    | Gvc          | DG      |
| 177 | 13        | Nguyễn quang    | Học     | QH Đất    | Gv           | HG      |
| 178 | 14        | Nguyễn Thị      | Vòng    | QH Đất    | Gv, phó khoa | DG      |
| 179 | 15        | Nguyễn thị      | Khánh   | TT Đất    | Văn thư      | PVG     |
| 180 | 16        | Nguyễn trọng    | Bình    | TT Đất    | Gv, PBM      | DG      |
| 181 | 17        | Trần thị Băng   | Tâm     | TT Đất    | Gv, Tr BM    | DG      |
| 182 | 18        | Trần Quốc       | Vinh    | TT Đất    | Gv           | DG      |
| 183 | 19        | Đỗ thị Thu      | Cúc     | Hoá       | Gv           | DG      |
| 184 | 20        | Dương văn       | Đàm     | Hoá       | Gvc          | DG      |
| 185 | 21        | Đặng văn        | Hồng    | Hoá       | Gvc          | DG      |
| 186 | 22        | Nguyễn thị      | Thực R  | Hoá       | nvkt         | PVG     |
| 187 | 23        | Nguyễn bá       | Bình    | Hoá       | Gv           | DG      |
| 188 | 24        | Phạm hồng       | Anh     | Hoá       | Gvc          | DG      |
| 189 | 25        | Võ văn          | Cầu     | Hoá       | Gv           | DG      |
| 190 | 26        | Nguyễn thị      | Chắc    | Hoá       | Gv           | DG      |
| 191 | 27        | Nguyễn văn      | Thắng   | Hoá       | nvkt         | PVG     |
| 192 | 28        | Ngô xuân        | Bắc     | Hoá       | nvkt         | PVG     |
| 193 | 29        | Đỗ thị          | Hòa     | Hoá       | Gv           | DG      |
| 194 | 30        | Lê thị          | Hợp     | Hoá       | Gv           | DG      |
| 195 | 31        | Hoàng thị Thu   | Hương   | Hoá       | Gvc          | DG      |
| 196 | 32        | Bùi thế         | Vĩnh    | Hoá       | Gvc          | DG      |
| 197 | 33        | Hoàng           | Hà      | Hoá       | Gvc          | DG      |
| 198 | 34        | Trần hữu        | Huê     | Hoá       | Gvc          | DG      |
| 199 | 35        | Nguyễn thị Hồng | Linh    | Hoá       | Gv           | DG      |
| 200 | 36        | Trương thị      | My      | Hoá       | Gv           | DG      |
| 201 | 37        | Nguyễn tiến     | Quý     | Hoá       | Gvc          | DG      |
| 202 | 38        | Phan xuân       | Vận     | Hoá       | Pgs, tr. phg | DG      |
| 203 | 39        | Vũ văn          | Soan    | Hoá       | Gvc, phó BM  | DG      |
| 204 | 40        | Trần văn        | Chiến   | Hoá       | Gvc          | DG      |
| 205 | 41        | Đinh văn        | Hùng    | Hoá       | Pgs96, PBM   | DG      |
| 206 | 42        | Phạm ngọc       | Thụy    | Hoá       | Pgs96, Tr/kh | DG      |
| 207 | 43        | Đàm xuân        | Hoàn    | QLBB      | Gvc          | DG      |
| 208 | 44        | Nguyễn trọng    | Tuyển   | QLBB      | Gvc          | HG      |
| 209 | 45        | Nguyễn khắc     | Thời    | QLBB      | Gv           | HG      |
| 210 | 46        | Nguyễn thanh    | Trà     | QLBB      | Gv, Tr. BM   | DG      |
| 211 | 47        | Nguyễn văn      | Thân    | QLBB      | Gvc          | DG      |
| 212 | 48        | Nguyễn duy      | Húc     | QLBB      | Gvc          | DG      |
| 213 | 49        | Hoàng Văn       | Đức     | QLBB      | Gv, PBM      | DG      |
| 214 | 50        | Vũ hữu          | Yêm     | NH-TN     | Pgs          | DG      |
| 215 | 51        | Phạm thị        | Nhâm    | NH-TN     | Kysu         | PVG     |
| 216 | 52        | Hà huy          | Khuê    | NH-TN     | Gvc          | DG      |
| 217 | 53        | Lê thị Bích     | Đào     | NH-TN     | Gv           | DG      |
| 218 | 54        | Trần văn        | Chính R | NH-TN     | Gvc, phó BM  | DG      |
| 219 | 55        | Phạm Thanh      | Nga     | NH-TN     | Gv           | DG      |
| 220 | 56        | Nguyễn          | Mười    | NH-TN     | Pgs          | DG      |
| 221 | 57        | Nguyễn như      | Hà      | NH-TN     | Gv           | HG      |
| 222 | 58        | Đỗ nguyên       | Hải     | NH-TN     | Gvc          | HG      |
| 223 | 59        | Nguyễn hữu      | Thành   | NH-TN     | Gv           | DG      |



| STT | Họ và Tên |             |       | Đơn vị | chức danh    | DHTB | Ghi chú |
|-----|-----------|-------------|-------|--------|--------------|------|---------|
| 224 | 60        | Nguyễn Đình | Mạnh  | NH-TN  | Pgs96,ph/kh  | DG   |         |
| 225 | 61        | Hoàng văn   | Mùa   | NH-TN  | Gvc          | DG   |         |
| 226 | 62        | Đào châu    | Thu   | NH-TN  | Pgs96, Ph TT | DG   |         |
| 227 | 63        | Lê thị Hồng | Xuân  | NH-TN  | Kysu         | HG   |         |
| 228 | 64        | Nguyễn xuân | Thành | NH-TN  | Gvc          | DG   |         |

4 Khoa Cơ Điện

|     |    |                 |       |         |              |     |  |
|-----|----|-----------------|-------|---------|--------------|-----|--|
| 229 | 1  | Nguyễn huy      | Biếm  | VP-Bvệ  | Nhvien       | PVG |  |
| 230 | 2  | Nguyễn đức      | Năng  | VP-Bvệ  | Nhvien       | PVG |  |
| 231 | 3  | Đặng quang      | Ứng   | VP-Bvệ  | Nhvien       | PVG |  |
| 232 | 4  | Nhữ ngọc        | Hùng  | VP-Bvệ  | Nhvien       | PVG |  |
| 233 | 5  | Phạm thị        | Bình  | CHKT    | Vanthu       | PVG |  |
| 234 | 6  | Đặng thế        | Huy   | CHKT    | Gs96,TrBM    | DG  |  |
| 235 | 7  | Phạm văn        | Tờ    | CHKT    | Pgs96,TrKhoa | DG  |  |
| 236 | 8  | Nguyễn doãn     | Nho   | CHKT    | Gvc          | DG  |  |
| 237 | 9  | Trần tuần       | Hiệp  | CHKT    | Gv, PBM      | DG  |  |
| 238 | 10 | Hoàng thi       | Chát  | CHKT    | Gvc          | DG  |  |
| 239 | 11 | Trần huy        | Sùng  | CHKT    | Gv           | DG  |  |
| 240 | 12 | Lê minh         | Lư    | CHKT    | Gv           | DG  |  |
| 241 | 13 | Đỗ hữu          | Quyết | CHKT    | Gv, Ph/Phòng | DG  |  |
| 242 | 14 | Nguyễn văn      | Sắc   | Điện SD | Gv           | DG  |  |
| 243 | 15 | Nguyễn văn      | Chi   | Điện KT | Gvc,tr.BM    | DG  |  |
| 244 | 16 | Trần quang      | Khánh | Điện SD | Gvc, TrBM    | DG  |  |
| 245 | 17 | Đỗ văn          | Công  | Điện SD | Gvc,phó BM   | DG  |  |
| 246 | 18 | Phan văn        | Thắng | Điện SD | Gvc,Phó khoa | DG  |  |
| 247 | 19 | Nguyễn ngọc     | Kính  | Điện SD | Gv           | DG  |  |
| 248 | 20 | Đình huy        | An    | Điện SD | Gv           | DG  |  |
| 249 | 21 | Nguyễn thị Hoài | Son   | Điện KT | Gv           | DG  |  |
| 250 | 22 | Ngô thị         | Tuyền | Điện KT | Gv           | DG  |  |
| 251 | 23 | Vũ thị          | Mai   | Điện KT | nvkt         | PVG |  |
| 252 | 24 | Ngô tất         | Vĩnh  | Lý      | Gvc          | DG  |  |
| 253 | 25 | Nguyễn vĩnh     | Chân  | Lý      | Gv           | DG  |  |
| 254 | 26 | Mạc ánh         | Hùng  | Lý      | Gvc          | DG  |  |
| 255 | 27 | Đỗ đăng         | Bảy   | Lý      | Gv           | DG  |  |
| 256 | 28 | Hồ thị Hồng     | Lan   | Lý      | nvkt         | PVG |  |
| 257 | 29 | Đoàn văn        | Cán   | Lý      | Gv, PBM      | DG  |  |
| 258 | 30 | Bùi thị Kim     | Dung  | Lý      | Gv           | DG  |  |
| 259 | 31 | Hồ đăng         | Tiến  | Ôtô-MK  | Gv           | DG  |  |
| 260 | 32 | Phạm văn        | Học   | Ôtô-MK  | nvkt         | PVG |  |
| 261 | 33 | Chu Tất         | Thắng | Ôtô-MK  | Gv           | DG  |  |
| 262 | 34 | Bùi hải         | Triều | Ôtô-MK  | Gvc, TrBM    | DG  |  |
| 263 | 35 | Nguyễn thị      | Chắc  | Ôtô-MK  | Gv           | DG  |  |
| 264 | 36 | Hàn trung       | Dũng  | Ôtô-MK  | Gv           | DG  |  |
| 265 | 37 | Nông văn        | Vìn   | Ôtô-MK  | Gvc,phó BM   | DG  |  |
| 266 | 38 | Lê              | Thính | Ôtô-MK  | Gvc          | DG  |  |
| 267 | 39 | Hoàng thị Thanh | Xuân  | Ôtô-MK  | nvkt         | PVG |  |
| 268 | 40 | Trương thị      | Toàn  | Ôtô-MK  | Gv           | DG  |  |



| STT | Họ và Tên |                | Đơn vị | chức danh | DHTĐ           | Ghi chú |
|-----|-----------|----------------|--------|-----------|----------------|---------|
| 269 | 41        | Đặng tiến      | Hòa    | Ôtô-MK    | Gvc            | DG      |
| 270 | 42        | Dương mạnh     | Đức    | Ôtô-MK    | Gv, Ph/Ph      | DG      |
| 271 | 43        | Bùi viết       | Đức    | Ôtô-MK    | Gv             | DG      |
| 272 | 44        | Trần như       | Khuyên | MNN       | Gvc            | DG      |
| 273 | 45        | Trần văn       | Nghiến | MNN       | Gvc            | DG      |
| 274 | 46        | Hoàng đức      | Liên   | MNN       | Gv             | DG      |
| 275 | 47        | Hà đức         | Thái   | MNN       | Gvc            | DG      |
| 276 | 48        | Đào quang      | Triệu  | MNN       | Pgs            | DG      |
| 277 | 49        | Nguyễn viết    | Lâu    | MNN       | Gvc, PBM       | DG      |
| 278 | 50        | Bùi Hữu        | Toàn   | MNN       | Gv             | DG      |
| 279 | 51        | Phạm xuân      | Vượng  | MNN       | Gs96           | DG      |
| 280 | 52        | Nguyễn văn     | Muốn   | MNN       | Pgs, phó khoa  | DG      |
| 281 | 53        | Tổng Ngọc      | Tuấn   | MNN       | Gv, PBM        | DG      |
| 282 | 54        | Hoàng đình     | Hiếu   | KL-SC     | Pgs96          | DG      |
| 283 | 55        | Hoàng thị      | Thía   | KL-SC     | nvkt           | PVG     |
| 284 | 56        | Đào quang      | Ké     | KL-SC     | Gvc, TrBM      | DG      |
| 285 | 57        | Phạm thanh     | Cường  | KL-SC     | Ch/v           | PVG     |
| 286 | 58        | Nguyễn văn     | Nghĩa  | KL-SC     | Gv             | DG      |
| 287 | 59        | Vũ đại         | Bản    | KL-SC     | Gv             | DG      |
| 288 | 60        | Nguyễn hữu     | Báu    | Toán      | Gv             | DG      |
| 289 | 61        | Hoàng văn      | Bắc    | Toán      | Gv             | DG      |
| 290 | 62        | Vũ kim         | Thành  | Toán      | Gv, Tr BM      | DG      |
| 291 | 63        | Ngô thị        | Thực   | Toán      | Gv             | DG      |
| 292 | 64        | Chu gia        | Viễn   | Toán      | Gvc, PBM       | DG      |
| 293 | 65        | Nguyễn thị Kim | Bình   | Toán      | Gv             | DG      |
| 294 | 66        | Lê đức         | Vĩnh   | Toán      | Gv             | DG      |
| 295 | 67        | Phạm thị Minh  | Trường | Toán      | Gv             | DG      |
| 296 | 68        | Bùi nguyên     | Viễn   | Toán      | Gv             | DG      |
| 297 | 69        | Nguyễn văn     | Định   | Toán      | Gv             | DG      |
| 298 | 70        | Đàm văn        | Doãn   | Toán      | Gv             | DG      |
| 299 | 71        | Đặng đình      | Trình  | Xưởng     | Gvc, Xưởng phó | DG      |
| 300 | 72        | Đặng văn       | Truyền | Xưởng     | Ktv            | PVG     |
| 301 | 73        | Đặng thị       | Dự     | Xưởng     | nvkt           | PVG     |

5 Khoa Kinh tế & PTNT

|     |    |             |       |          |               |    |
|-----|----|-------------|-------|----------|---------------|----|
| 302 | 1  | Phạm thị Mỹ | Dung  | TK-KT    | Pgs96, Tr. BM | DG |
| 303 | 2  | Bùi bằng    | Đoàn  | TK-KT    | Gvc           | DG |
| 304 | 3  | Nguyễn thị  | Tâm   | TK-KT    | Gvc, PBM      | DG |
| 305 | 4  | Kim thị     | Dung  | TK-KT    | Gv            | DG |
| 306 | 5  | Bùi thị     | Phúc  | TK-KT    | Gv            | DG |
| 307 | 6  | Nguyễn Văn  | Song  | TK-KT    | Gv            | DG |
| 308 | 7  | Trần đình   | Thao  | KT lượng | Gv            | DG |
| 309 | 8  | Ngô thị     | Thuận | KT lượng | Gv, Ph. Khoa  | DG |
| 310 | 9  | Vũ văn      | Cảnh  | KT lượng | Gv            | DG |
| 311 | 10 | Nguyễn mộng | Kiều  | KT lượng | Gv, PBM       | DG |
| 312 | 11 | Nguyễn tuần | Sơn   | KT lượng | Gv            | DG |
| 313 | 12 | Mai thanh   | Cúc   | PTNT     | Gv            | DG |



| STT | Họ và Tên |               |        | Đơn vị | chức danh     | DHTĐ | Ghi chú |
|-----|-----------|---------------|--------|--------|---------------|------|---------|
| 314 | 13        | Nguyễn xuân   | Tin    | PTNT   | Gvc           | DG   |         |
| 315 | 14        | Nguyễn trọng  | Đắc    | PTNT   | Gv, PBM       | DG   |         |
| 316 | 15        | Ng thị Tuyết  | Lan    | PTNT   | Gv            | DG   |         |
| 317 | 16        | Nguyễn văn    | Mác    | PTNT   | Gv            | DG   |         |
| 318 | 17        | Phạm văn      | Đình   | PTNT   | Pgs96, ph.kh  | DG   |         |
| 319 | 18        | Đình văn      | Đăn    | PTNT   | Gvc           | DG   |         |
| 320 | 19        | Đỗ kim        | Chung  | PTNT   | Gv, TrBM      | DG   |         |
| 321 | 20        | Đình văn      | Hiến   | PTNT   | Gvc           | DG   |         |
| 322 | 21        | Nguyễn mẫu    | Dũng   | PTNT   | Gv            | DG   |         |
| 323 | 22        | Dương văn     | Hiếu   | PTNT   | Gv            | DG   |         |
| 324 | 23        | Bùi thị       | Gia    | QTKD   | Gvc           | DG   |         |
| 325 | 24        | Hồ ngọc       | Châu   | QTKD   | Gvc           | DG   |         |
| 326 | 25        | Đỗ thành      | Xương  | QTKD   | Gv            | DG   |         |
| 327 | 26        | Phạm thị Minh | Nguyệt | QTKD   | Gv            | DG   |         |
| 328 | 27        | Nguyễn nguyên | Cự     | QTKD   | Gvc, H.Phó    | DG   |         |
| 329 | 28        | Đặng văn      | Tiến   | QTKD   | Gv            | DG   |         |
| 330 | 29        | Đỗ văn        | Viện   | QTKD   | Gvc, Tr BM    | DG   |         |
| 331 | 30        | Trần hữu      | Cường  | QTKD   | Gv            | DG   |         |
| 332 | 31        | Nguyễn văn    | Quý    | QTKD   | Gvc           | DG   |         |
| 333 | 32        | Nguyễn huy    | Cường  | QTKD   | Gv, PBM       | DG   |         |
| 334 | 33        | Hoàng ngọc    | Bích   | QTKD   | Gv, ph/ph     | DG   |         |
| 335 | 34        | Nguyễn quốc   | Oánh   | K.Té   | Gv            | DG   |         |
| 336 | 35        | Lương xuân    | Chính  | K.Té   | Gv, phó BM    | DG   |         |
| 337 | 36        | Lê bá         | Chức   | K.Té   | Gv            | DG   |         |
| 338 | 37        | Nguyễn phúc   | Thọ    | K.Té   | Gv            | DG   |         |
| 339 | 38        | Nguyễn tiến   | Thêu   | K.Té   | Gvc           | DG   |         |
| 340 | 39        | Vũ thị Phương | Thuy   | K.Té   | Gv            | DG   |         |
| 341 | 40        | Trần văn      | Đức    | K.Té   | Gv, tr.bm     | DG   |         |
| 342 | 41        | Nguyễn thị    | Vang   | K.Té   | Gv            | DG   |         |
| 343 | 42        | Thái anh      | Hùng   | K.Té   | Gv            | DG   |         |
| 344 | 43        | Nguyễn Phương | Lê     | K.té   | Gv            | DG   |         |
| 345 | 44        | Nguyễn thị    | Nhuân  | VP     | Cánsự         | PVG  |         |
| 346 | 45        | Tô dũng       | Tiến   | VP     | Gs96, Tr.khoa | DG   |         |
| 347 | 46        | Hoàng thị     | Hằng   | VP     | Kysư          | PVG  |         |

6 Khoa Mác Lê nin

|     |    |             |       |      |              |    |  |
|-----|----|-------------|-------|------|--------------|----|--|
| 348 | 1  | Nguyễn quốc | Ân    | KTCT | Gvc          | DG |  |
| 349 | 2  | Đặng hữu    | Hiến  | KTCT | Gvc, Tr. BM  | DG |  |
| 350 | 3  | Nguyễn tuần | Nghĩa | KTCT | Gv           | DG |  |
| 351 | 4  | Lương đức   | Thăng | KTCT | Gv, phó BM   | DG |  |
| 352 | 5  | Nguyễn thị  | Thư   | KTCT | Gv           | DG |  |
| 353 | 6  | Nguyễn ngọc | Diệp  | KTCT | Gv           | DG |  |
| 354 | 7  | Nguyễn Thị  | Diễn  | KTCT | Gv           | DG |  |
| 355 | 8  | Lê văn      | Thai  | LSB  | Gvc, Ph/Khoa | DG |  |
| 356 | 9  | Trần Lê     | Thanh | LSB  | Gv           | DG |  |
| 357 | 10 | Hoàng văn   | Bình  | LSB  | Gv, Tr. BM   | DG |  |
| 358 | 11 | Nguyễn văn  | Yến   | LSB  | Gv, PBM      | DG |  |



| STT | Họ và Tên |                 |       | Đơn vị | chức danh   | DHTB | Ghi chú |
|-----|-----------|-----------------|-------|--------|-------------|------|---------|
| 359 | 12        | Vũ công         | Minh  | Triết  | Gv, Tr khoa | DG   |         |
| 360 | 13        | Lê diệp         | Đĩnh  | Triết  | Gv, TrBM    | DG   |         |
| 361 | 14        | Lê thị          | Ngân  | Triết  | Gv          | DG   |         |
| 362 | 15        | Nguyễn như      | Bảo   | Triết  | Gvc         | DG   |         |
| 363 | 16        | Nguyễn thanh    | Thế   | Triết  | Gv          | DG   |         |
| 364 | 17        | Nguyễn đình     | Ninh  | Triết  | Gv, PBM     | DG   |         |
| 365 | 18        | Nguyễn Thị Hoài | Hương | VP     | Văn thư     | PVG  |         |

7 Khoa Sư phạm kỹ thuật

|     |    |               |       |         |              |     |  |
|-----|----|---------------|-------|---------|--------------|-----|--|
| 366 | 1  | Đào trọng     | Thắng | Tin học | nvkt         | PVG |  |
| 367 | 2  | Nguyễn văn    | Khải  | Tin học | Gv, TrBM     | DG  |  |
| 368 | 3  | Dương xuân    | Thành | Tin học | Gvc          | DG  |  |
| 369 | 4  | Đỗ thị        | Mơ    | Tin học | Gv, PBM      | DG  |  |
| 370 | 5  | Đỗ thị mộng   | Hằng  | Ng.Ngũ  | Gv           | DG  |  |
| 371 | 6  | Lê thị        | Thuấn | Ng.Ngũ  | Gv, Tr. BM   | DG  |  |
| 372 | 7  | Đỗ thế        | Bảo   | Ng.Ngũ  | Gv           | DG  |  |
| 373 | 8  | Lê tôn        | An    | Ng.Ngũ  | Gv           | DG  |  |
| 374 | 9  | Phạm thị Kim  | Phú   | Ng.Ngũ  | Gv           | DG  |  |
| 375 | 10 | Lê năng       | Văn   | Ng.Ngũ  | Gv           | DG  |  |
| 376 | 11 | Vũ thị Minh   | Châu  | Ng.Ngũ  | Gv           | DG  |  |
| 377 | 12 | Đỗ thị Quỳnh  | Chi   | Ng.Ngũ  | Gv           | DG  |  |
| 378 | 13 | Bùi thị       | Đoan  | Ng.Ngũ  | Gv, PBM      | DG  |  |
| 379 | 14 | Phạm thị      | Hằng  | Ng.Ngũ  | Gv           | DG  |  |
| 380 | 15 | Cao thị Ngọc  | Mậu   | Ng.Ngũ  | Gv           | DG  |  |
| 381 | 16 | Ngô thị Thanh | Tâm   | Ng.Ngũ  | Gv           | DG  |  |
| 383 | 18 | Lê chu        | Lịch  | Ng.Ngũ  | Gvc          | DG  |  |
| 384 | 19 | Nguyễn ninh   | Thành | TDTT    | nvkt         | PVG |  |
| 385 | 20 | Nguyễn thị    | Bình  | TDTT    | Gvc          | DG  |  |
| 386 | 21 | Đỗ gia        | Thanh | TDTT    | Gv           | DG  |  |
| 387 | 22 | Hoàng văn     | Hưng  | TDTT    | Gv           | DG  |  |
| 388 | 23 | Trần văn      | Tác   | TDTT    | Gv, phó BM   | DG  |  |
| 389 | 24 | Phạm thị      | Thành | TDTT    | Gv           | DG  |  |
| 390 | 25 | Nguyễn Xuân   | Cừ    | TDTT    | Gv           | DG  |  |
| 391 | 26 | Hoàng Đức     | Vĩnh  | TDTT    | Gv           | DG  |  |
| 392 | 27 | Nguyễn thị    | The   | TDTT    | Gv           | DG  |  |
| 393 | 28 | Đỗ mộng       | Ngọc  | TDTT    | Gvc, Tr. BM  | DG  |  |
| 394 | 29 | Nguyễn hải    | Thanh | VP      | Gv, phó khoa | DG  |  |
| 395 | 30 | Nguyễn văn    | Tấu   | VP      | Pgs, TrKhoa  | DG  |  |

8 BM SH-Bảo quản chế biến

|     |   |             |      |          |             |    |  |
|-----|---|-------------|------|----------|-------------|----|--|
| 396 | 1 | Vũ thị      | Thư  | SH-BQ-CB | Pgs96, TrBM | DG |  |
| 397 | 2 | Vũ kim      | Bảng | SH-BQ-CB | Gvc         | DG |  |
| 398 | 3 | Trần văn    | Phẩm | SH-BQ-CB | Gv          | DG |  |
| 399 | 4 | Nguyễn mạnh | Khải | SH-BQ-CB | Gv          | DG |  |
| 400 | 5 | Phạm thị    | Vân  | SH-BQ-CB | Gvc, PBM    | DG |  |



| STT | Họ và Tên         | Đơn vị | chức danh | DHTB | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------|-----------|------|---------|
| 401 | 6 Trần Thị Lan    | Hương  | SH-BQ-CB  | Gv   | HG      |
| 402 | 7 Nguyễn Hoàng    | Lan    | SH-BQ-CB  | Gv   | HG      |
| 403 | 8 Nguyễn thị Bích | Thùy   | SH-BQ-CB  | Gv   | DG      |
| 404 | 9 NguyễnThị Thanh | Thủy   | SH-BQ-CB  | Gv   | HG      |
| 405 | 10 Hoàng thị      | Tâm    | SH-BQ-CB  | nvkt | PVG     |
| 406 | 11 Phạm thị       | Tĩnh   | SH-BQ-CB  | Kysu | PVG     |

9 Khoa ĐT Tại chức

|     |                            |       |          |              |     |
|-----|----------------------------|-------|----------|--------------|-----|
| 407 | 1 Nguyễn ngọc              | Can A | Tại chức | Cvc, ph.khoa | PVG |
| 408 | <del>2</del> 2 - Trịnh thị | Vinh  | Tại chức | Ch/v         | PVG |
| 409 | 3 Hoàng ngọc               | Huyền | Tại chức | Ch/v         | PVG |
| 410 | 4 Lê thị Hoàng             | Yến   | Tại chức | Vanthu       | PVG |

10 Khoa Sau Đại học

|     |              |       |     |              |     |
|-----|--------------|-------|-----|--------------|-----|
| 411 | 1 Thiều thị  | Sáu   | SĐH | Ch/v         | PVG |
| 412 | 2 Nguyễn thị | Tuyết | SĐH | Ch/v         | PVG |
| 413 | 3 Vũ thị     | Dân   | SĐH | nvkt         | PVG |
| 414 | 4 Lê hữu     | ảnh   | SĐH | GV           | DG  |
| 415 | 5 Phan quỳnh | Son   | SĐH | Pgs96, Ph/kh | DG  |

11 Phòng QHQT

|     |               |       |      |              |     |
|-----|---------------|-------|------|--------------|-----|
| 416 | 1 Lê văn      | Lãnh  | QHQT | Gvc          | PVG |
| 417 | 2 Đỗ huy      | Thực  | QHQT | Ch/v         | PVG |
| 418 | 3 Lê thị      | Minh  | QHQT | nvkt         | PVG |
| 419 | 4 Nguyễn văn  | Duy   | QHQT | nvkt         | PVG |
| 420 | 5 Nguyễn xuân | Minh  | QHQT | nvkt         | PVG |
| 421 | 6 Nguyễn thị  | Minh  | QHQT | Nhvien       | PVG |
| 422 | 7 Ngô quang   | Lịch  | QHQT | Cnhan        | PVG |
| 423 | 8 Bùi văn     | Sáng  | QHQT | Nhvien       | PVG |
| 424 | 9 Nguyễn viết | Tùng  | QHQT | Gs96, HT     | DG  |
| 425 | 10 Hà quang   | Hùng  | QHQT | Pgs, tr.phg  | DG  |
| 426 | 11 Vũ đình    | Hòa   | QHQT | Gv, Ph/Phòng | DG  |
| 427 | 12 Đình Sơn   | Quang | QHQT | Gv           | PVG |

12 Phòng Tài Vụ

|     |              |      |       |               |     |
|-----|--------------|------|-------|---------------|-----|
| 428 | 1 Nguyễn văn | Hanh | T. Vụ | Cán Sự        | PVG |
| 429 | 2 Quyền đình | Hà   | T. Vụ | Trưởng phòng  | QLG |
| 430 | 3 Vũ thị Kim | Dung | T. Vụ | Ketoan, ph/ph | QLG |
| 431 | 4 Ngô văn    | Trạm | T. Vụ | Ketoan        | PVG |
| 432 | 5 Nguyễn hữu | Hoan | T. Vụ | Ketoan        | PVG |
| 433 | 6 Phạm thị   | Hiền | T. Vụ | Ketoan        | PVG |
| 434 | 7 Vũ khắc    | Hòa  | T. Vụ | Ketoan        | PVG |
| 435 | 8 Đỗ quốc    | Hùng | T. Vụ | Ketoan        | PVG |
| 436 | 9 Trần thị   | Thụ  | T. Vụ | Ketoan        | PVG |



| STT | Họ và Tên |            |      | Đơn vị | chức danh | DHTĐ | Ghi chú |
|-----|-----------|------------|------|--------|-----------|------|---------|
| 437 | 10        | Lê thị     | Thấu | T.Vụ   | Ketoan    | PVG  |         |
| 438 | 11        | Tổng thị   | Lựa  | T.Vụ   | Ketoan    | PVG  |         |
| 439 | 12        | Nguyễn thị | Tài  | T.Vụ   | Ketoan    | PVG  |         |
| 440 | 13        | Đoàn tử    | Lâm  | T.Vụ   | Gvc       | PVG  |         |

13 Phòng TCCB

|     |   |               |       |      |         |     |  |
|-----|---|---------------|-------|------|---------|-----|--|
| 441 | 1 | Chu tuần      | Quyết | TCCB | Ch/v    | PVG |  |
| 442 | 2 | Trần văn      | Vũ    | TCCB | Ch/v    | PVG |  |
| 443 | 3 | Nguyễn thị    | Thủy  | TCCB | Lưu trữ | PVG |  |
| 444 | 4 | Ng thị Phương | Diệp  | TCCB | TVBU    | PVG |  |

14 Phòng Đào tạo

|     |    |             |        |       |              |     |  |
|-----|----|-------------|--------|-------|--------------|-----|--|
| 445 | 1  | Đỗ đức      | Viết   | Đ.Tạo | Pgs96, Tr.ph | DG  |  |
| 446 | 2  | Nguyễn viết | Hải    | Đ.Tạo | Cvc          | PVG |  |
| 447 | 3  | Đào trọng   | Toàn   | Đ.Tạo | Cvc          | PVG |  |
| 448 | 4  | Hoàng văn   | Sỹ     | Đ.Tạo | Ch/v         | PVG |  |
| 449 | 5  | Nguyễn duy  | Thanh  | Đ.Tạo | Ch/v         | PVG |  |
| 450 | 6  | Nguyễn minh | Tiến   | Đ.Tạo | Ch/v         | PVG |  |
| 451 | 7  | Dương chí   | Dũng   | Đ.Tạo | Ch/v         | PVG |  |
| 452 | 8  | Nguyễn thị  | Mai    | Đ.Tạo | Ch/v, Ph/Ph  | QLG |  |
| 453 | 9  | Dương thị   | Thường | Đ.Tạo | Lưu trữ      | PVG |  |
| 454 | 10 | Nguyễn xuân | Mai    | Đ.Tạo | Gv           | PVG |  |

15 Phòng Khoa Học

|     |    |                |        |        |             |     |  |
|-----|----|----------------|--------|--------|-------------|-----|--|
| 455 | 1  | Võ Kim         | Oanh   | K.Học  | Ch/v        | PVG |  |
| 456 | 2  | Lê huỳnh Thanh | Phương | K.Học  | Ch/v        | PVG |  |
| 457 | 3  | Cao anh        | Long   | K.Học  | Gvc, Tr.phg | QLG |  |
| 458 | 4  | Trần văn       | Đích   | K.Học  | Gvc         | PVG |  |
| 459 | 5  | Tổng xuân      | Khôi   | T.Viện | Cvc         | PVG |  |
| 460 | 6  | Phạm thị       | Nguyễn | T.Viện | nvkt        | PVG |  |
| 461 | 7  | Nguyễn Thị Lan | Anh    | T.Viện | Ttvchính    | PVG |  |
| 462 | 8  | Nguyễn viết    | Duy    | T.Viện | Thu/vv      | PVG |  |
| 463 | 9  | Nguyễn hữu     | Ty     | T.Viện | Thu/vv      | PVG |  |
| 464 | 10 | Lưu thị        | Vui    | T.Viện | Thu/vv      | PVG |  |

16 Phòng HCKH-VT

|     |   |                |       |        |         |     |  |
|-----|---|----------------|-------|--------|---------|-----|--|
| 465 | 1 | Nguyễn văn     | Tu    | Đội xe | Cnhan   | PVG |  |
| 466 | 2 | Nguyễn công    | Trứ   | Đội xe | Cnhan   | PVG |  |
| 467 | 3 | Ngô Văn        | Tuấn  | Đội xe | Cnhan   | PVG |  |
| 468 | 4 | Nguyễn văn     | Khuê  | Đội xe | Cnhan   | PVG |  |
| 469 | 5 | Nguyễn huy     | Thế   | Đội xe | Kysu    | PVG |  |
| 470 | 6 | Nguyễn thị     | Tròn  | VT-HC  | nvkt    | PVG |  |
| 471 | 7 | Nguyễn Trường  | Sơn   | VT-HC  | Pgs, HP | QLG |  |
| 472 | 8 | Thân thị Tuyết | Chinh | VT-HC  | Lưu trữ | PVG |  |



| STT | Họ và Tên |                     | Đơn vị | chức danh   | DHTĐ | Ghi chú |
|-----|-----------|---------------------|--------|-------------|------|---------|
| 473 | 9         | Trần văn Hùng       | VT-HC  | Ch/v,ph.phg | QLG  |         |
| 474 | 10        | Nguyễn thị Hà Nam   | VT-HC  | Nhvien      | PVG  |         |
| 475 | 11        | Đặng thị Hoa        | VT-HC  | nvkt        | PVG  |         |
| 476 | 12        | Nguyễn thị kim Oanh | VT-HC  | nvkt        | PVG  |         |
| 477 | 13        | Cam thị Lượng       | VT-HC  | nvkt        | PVG  |         |
| 478 | 14        | Bùi đình Phiêu      | TBVT   | nvkt        | PVG  |         |
| 479 | 15        | Hồ hồng Thái        | TBVT   | Kysu        | PVG  |         |
| 480 | 16        | Lê thị Lan          | TBVT   | Ktv         | PVG  |         |

17 Phòng Quản trị

|     |    |                    |         |            |     |  |
|-----|----|--------------------|---------|------------|-----|--|
| 481 | 1  | Vũ hồng Sơn        | VP-GĐ   | Cvc,tr.phg | QLG |  |
| 482 | 2  | Lê thị Hồng        | VP-GĐ   | nvkt       | PVG |  |
| 483 | 3  | Lưu thị Náy        | VP-GĐ   | nvkt       | PVG |  |
| 484 | 4  | Lê thị Vân         | VP-GĐ   | nvkt       | PVG |  |
| 485 | 5  | Nguyễn thị Hòa     | VP-GĐ   | nvkt       | PVG |  |
| 486 | 6  | Nguyễn thị Lý N    | VP-GĐ   | nvkt       | PVG |  |
| 487 | 7  | Nguyễn thị Lý H    | VP-GĐ   | nvkt       | PVG |  |
| 488 | 8  | Nguyễn Hồng Thúy A | VP-GĐ   | nvkt       | PVG |  |
| 489 | 9  | Lưu thị Túy        | VP-GĐ   | nvkt       | PVG |  |
| 490 | 10 | Trần văn Bình      | VP-GĐ   | Ktv        | PVG |  |
| 491 | 11 | Vi văn Năng        | VP-GĐ   | Gv,Pho phg | DG  |  |
| 492 | 12 | Nguyễn tô Vũ       | VP-GĐ   | nvkt       | PVG |  |
| 493 | 13 | Lê thị Thông       | M.Giáo  | Gvmn       | PVG |  |
| 494 | 14 | Dương thị Tiến     | M.Giáo  | Gvmn       | PVG |  |
| 495 | 15 | Nguyễn thị Xá      | M.Giáo  | Gvmn       | PVG |  |
| 496 | 16 | Nguyễn thị Liễu    | M.Giáo  | Gvmn       | PVG |  |
| 497 | 17 | Nguyễn văn Thiện   | M.Nề    | nvkt       | PVG |  |
| 498 | 18 | Hoàng tiến Nhật    | M.Nề    | nvkt       | PVG |  |
| 499 | 19 | Lê Văn Bằng        | M.Nề    | nvkt       | PVG |  |
| 500 | 20 | Nguyễn văn Bản     | M.Nề    | nvkt       | PVG |  |
| 501 | 21 | Lê tiên Tuyền      | M.Nề    | nvkt       | PVG |  |
| 502 | 22 | Nguyễn quốc Hoàng  | M.Nề    | nvkt       | PVG |  |
| 503 | 23 | Nguyễn đức Lâu     | M.Nề    | nvkt       | PVG |  |
| 504 | 24 | Nguyễn văn Lơ      | M.Nề    | nvkt       | PVG |  |
| 505 | 25 | Nguyễn văn Thách   | Đ.Nước  | nvkt       | PVG |  |
| 506 | 26 | Nguyễn văn Mạnh    | Đ.Nước  | nvkt       | PVG |  |
| 507 | 27 | Phan văn Điệp      | Đ.Nước  | nvkt       | PVG |  |
| 508 | 28 | Nguyễn thanh Hải   | Đ.Nước  | nvkt       | PVG |  |
| 509 | 29 | Hồ bắc Sơn         | Đ.Nước  | nvkt       | PVG |  |
| 510 | 30 | Đặng bá Chính      | Đ.Nước  | nvkt       | PVG |  |
| 511 | 31 | Đỗ văn Khoáng      | Đ.Nước  | Kysu       | PVG |  |
| 512 | 32 | Đào thị Liễu       | VSMT    | nvkt       | PVG |  |
| 513 | 33 | Nguyễn thị Túc     | VSMT    | nvkt       | PVG |  |
| 514 | 34 | Đào thị Tươi       | VSMT    | nvkt       | PVG |  |
| 515 | 35 | Lê thị Chiến       | VSMT    | nvkt       | PVG |  |
| 516 | 36 | Đỗ Thị Côi         | Nhà trẻ | GV Mần non | PVG |  |
| 517 | 37 | Phạm Thị Bắc       | Nhà trẻ | Cô NDT     | PVG |  |



| STT | Họ và Tên |                  | Đơn vị  | chức danh | DHTĐ | Ghi chú |
|-----|-----------|------------------|---------|-----------|------|---------|
| 518 | 38        | Nguyễn Thị Nga   | Nhà trẻ | Cô NDT    | PVG  |         |
| 519 | 39        | Trần Thị Quế     | Nhà trẻ | Cô NDT    | PVG  |         |
| 520 | 40        | Nguyễn Thị Hương | Nhà trẻ | Cô NDT    | PVG  |         |
| 521 | 41        | Trần Thị Ngọc Hà | Nhà trẻ | Cô NDT    | PVG  |         |
| 522 | 42        | Vũ Thị Thoa      | Nhà trẻ | Cô NDT    | PVG  |         |
| 523 | 43        | Nguyễn Thị Loan  | Nhà trẻ | Cô NDT    | PVG  |         |

18 Phòng CTCT

|     |    |                   |      |             |     |  |
|-----|----|-------------------|------|-------------|-----|--|
| 524 | 1  | Nguyễn văn Bóp    | CTCT | Ch/v        | PVG |  |
| 525 | 2  | Nguyễn xuân Mùi   | CTCT | Ch/v        | PVG |  |
| 526 | 3  | Nguyễn ngọc Can   | CTCT | Ch/v        | PVG |  |
| 527 | 4  | Cao thị Ngọc Thúy | CTCT | Ch/v        | PVG |  |
| 528 | 5  | Nguyễn năng Bình  | CTCT | nvkt        | PVG |  |
| 529 | 6  | Trần hồng Nhật    | CTCT | Ktv         | PVG |  |
| 530 | 7  | Nguyễn hữu Ngoan  | CTCT | Gvc, Tr. Ph | DG  |  |
| 531 | 8  | Nguyễn Thị Cúc    | CTCT | Ch/v        | PVG |  |
| 532 | 9  | Nguyễn Thị Qui    | CTCT | Ch/v, Ph/Ph | QLG |  |
| 533 | 10 | Nguyễn hồng Quang | CTCT | ch/v        | PVG |  |

19 Phòng Bảo vệ

|     |    |                      |      |               |     |  |
|-----|----|----------------------|------|---------------|-----|--|
| 534 | 1  | Trịnh đăng Lạc       | B.Vệ | Ch/v, ph. phg | PVG |  |
| 535 | 2  | Nguyễn doãn Quỳnh    | B.Vệ | Ch/v, Tr. Ph  | PVG |  |
| 536 | 3  | Nguyễn ngọc ánh      | B.Vệ | Ch/v          | PVG |  |
| 537 | 4  | Đỗ xuân Thẩm         | B.Vệ | Ch/v          | PVG |  |
| 538 | 5  | Nguyễn văn Thành     | B.Vệ | nvkt          | PVG |  |
| 539 | 6  | Nguyễn huy Huân      | B.Vệ | nvkt          | PVG |  |
| 540 | 7  | Nguyễn cầu Lập       | B.Vệ | nvkt          | PVG |  |
| 541 | 8  | Tạ ngọc Phóng        | B.Vệ | nvkt          | PVG |  |
| 542 | 9  | Lê văn Thành         | B.Vệ | nvkt          | PVG |  |
| 543 | 10 | Nguyễn thị Bắc       | B.Vệ | nvkt          | PVG |  |
| 544 | 11 | Nguyễn Thị Bích Hạnh | B.Vệ | nvkt          | PVG |  |
| 545 | 12 | Nguyễn thị Mai Hoa   | B.Vệ | nvkt          | PVG |  |
| 546 | 13 | Nguyễn thị Mưa       | B.Vệ | nvkt          | PVG |  |
| 547 | 14 | Hoàng thị Tuyết      | B.Vệ | nvkt          | PVG |  |
| 548 | 15 | Tôn thất Lâm         | B.Vệ | nvkt          | PVG |  |
| 549 | 16 | Phùng xuân Ngà       | B.Vệ | Nhvien        | PVG |  |
| 550 | 17 | Lê văn Bích          | B.Vệ | Nhvien        | PVG |  |
| 551 | 18 | Nguyễn văn Thiệp     | B.Vệ | Nhvien        | PVG |  |
| 552 | 19 | Nguyễn bá Chung      | B.Vệ | Nhvien        | PVG |  |
| 553 | 20 | Bùi nhỏ Doãn         | B.Vệ | Nhvien        | PVG |  |
| 554 | 21 | Phạm Văn Tuyền       | B.Vệ | Nhvien        | PVG |  |

20 Xưởng in

|     |   |                  |      |              |     |  |
|-----|---|------------------|------|--------------|-----|--|
| 555 | 1 | Phạm quyết Chiến | X/In | Cvc, xug trg | QLG |  |
| 556 | 2 | Phùng thị Mão    | X/In | nvkt         | PVG |  |



| STT | Họ và Tên |             |       | Đơn vị | chức danh | DHTĐ | Ghi chú |
|-----|-----------|-------------|-------|--------|-----------|------|---------|
| 557 | 3         | Nguyễn thị  | Hương | X/In   | nvkt      | PVG  |         |
| 558 | 4         | Nguyễn viết | Quynh | X/In   | nvkt      | PVG  |         |
| 559 | 5         | Đào duy     | Thứ   | X/In   | nvkt      | PVG  |         |
| 560 | 6         | Nguyễn văn  | Hiền  | X/In   | nvkt      | PVG  |         |
| 561 | 7         | Vũ đình     | Hiền  | X/In   | nvkt      | PVG  |         |
| 562 | 8         | Nguyễn Ngọc | ánh   | X/In   | nvkt      | PVG  |         |
| 563 | 9         | Lưu thị     | Hải   | X/In   | nvkt      | PVG  |         |

### 21 Phòng Y tế

|     |   |                 |        |      |                |     |  |
|-----|---|-----------------|--------|------|----------------|-----|--|
| 564 | 1 | Vũ thu          | Hương  | Y tế | Bacsy, Tr. phg | QLG |  |
| 565 | 2 | Nguyễn thị Thúy | Vinh   | Y tế | Bacsy          | PVG |  |
| 566 | 3 | Phan thị Minh   | Nguyệt | Y tế | Ysy            | PVG |  |
| 567 | 4 | Bùi thị Kim     | Ninh   | Y tế | Ysy            | PVG |  |
| 568 | 5 | Đặng thị        | Kim    | Y tế | Yta            | PVG |  |
| 569 | 6 | Đặng thị Kim    | Thoa   | Y tế | Yta            | PVG |  |
| 570 | 7 | Tô thị          | Thước  | Y tế | Yta            | PVG |  |
| 571 | 8 | Nguyễn văn      | Đoàn   | Y tế | Yta            | PVG |  |
| 572 | 9 | Nguyễn thị      | Hoa    | Y tế | Ycông          | PVG |  |

### 22 Phòng KTBS

|     |    |                 |       |      |               |     |  |
|-----|----|-----------------|-------|------|---------------|-----|--|
| 574 | 1  | Nguyễn đăng     | Hợp   | KTBS | Ch/v, ph. phg | QLG |  |
| 575 | 2  | Bùi văn         | Gấm   | KTBS | nvkt          | PVG |  |
| 576 | 3  | Lê Thị Bích     | Liên  | KTBS | nvkt          | PVG |  |
| 577 | 4  | Nguyễn Thị Việt | Anh   | KTBS | nvkt          | PVG |  |
| 578 | 5  | Hoàng văn       | Dinh  | KTBS | nvkt          | PVG |  |
| 579 | 6  | Nguyễn thị      | Hà    | KTBS | nvkt          | PVG |  |
| 580 | 7  | Nguyễn thị      | Nhiên | KTBS | nvkt          | PVG |  |
| 581 | 8  | Phùng Kim       | Thoa  | KTBS | nvkt          | PVG |  |
| 582 | 9  | Trần thị        | Vân   | KTBS | nvkt          | PVG |  |
| 583 | 10 | Phan Thị Hồng   | Hà    | KTBS | Ktoán         | PVG |  |
| 584 | 11 | Hoàng văn       | Việt  | KTBS | Thuqui        | PVG |  |
| 585 | 12 | Đặng xuân       | Lợi   | KTBS | Gvc, Tr phg   | DG  |  |

### 23 Trại TTTN

|     |    |            |       |      |      |     |  |
|-----|----|------------|-------|------|------|-----|--|
| 586 | 1  | Nguyễn hữu | Mấn   | Trại | Ch/v | PVG |  |
| 587 | 2  | Hà chuyên  | Chính | Trại | nvkt | PVG |  |
| 588 | 3  | Lưu tuần   | Lễ    | Trại | nvkt | PVG |  |
| 589 | 4  | Nguyễn đức | Chính | Trại | nvkt | PVG |  |
| 590 | 5  | Đỗ văn     | Đại   | Trại | nvkt | PVG |  |
| 591 | 6  | Phan viết  | Đồng  | Trại | nvkt | PVG |  |
| 592 | 7  | Vũ thị     | Phan  | Trại | nvkt | PVG |  |
| 593 | 8  | Trần thị   | Tạ    | Trại | nvkt | PVG |  |
| 594 | 9  | Hoàng thị  | Xế    | Trại | nvkt | PVG |  |
| 595 | 10 | Nguyễn thị | My    | Trại | nvkt | PVG |  |



| STT | Họ và Tên |                |        | Đơn vị | chức danh  | DHTB | Ghi chú |
|-----|-----------|----------------|--------|--------|------------|------|---------|
| 596 | 11        | Lê văn         | Nhuông | Trại   | nvkt       | PVG  |         |
| 597 | 12        | Lê văn         | Ninh   | Trại   | nvkt       | PVG  |         |
| 598 | 13        | Nguyễn thị     | Thủy   | Trại   | nvkt       | PVG  |         |
| 599 | 14        | Nguyễn quốc    | Trọng  | Trại   | nvkt       | PVG  |         |
| 600 | 15        | Nguyễn văn     | Về     | Trại   | nvkt       | PVG  |         |
| 601 | 16        | Lương thị      | Vui    | Trại   | nvkt       | PVG  |         |
| 602 | 17        | Đào văn        | Dũng   | Trại   | nvkt       | PVG  |         |
| 603 | 18        | Đỗ thị         | Hương  | Trại   | nvkt       | PVG  |         |
| 604 | 19        | Đào thị        | Kim    | Trại   | nvkt       | PVG  |         |
| 605 | 20        | Nguyễn bá      | Minh   | Trại   | nvkt       | PVG  |         |
| 606 | 21        | Nguyễn thị     | Ngọt   | Trại   | nvkt       | PVG  |         |
| 607 | 22        | Dương văn      | Sáng   | Trại   | nvkt       | PVG  |         |
| 608 | 23        | Nguyễn đình    | Văn    | Trại   | nvkt       | PVG  |         |
| 609 | 24        | Trần thị       | Huệ    | Trại   | nvkt       | PVG  |         |
| 610 | 25        | Lê đức         | Hùng   | Trại   | nvkt       | PVG  |         |
| 611 | 26        | Bùi thị        | Hương  | Trại   | nvkt       | PVG  |         |
| 612 | 27        | Lê thị Kim     | Phương | Trại   | nvkt       | PVG  |         |
| 613 | 28        | Lê văn         | Sơn    | Trại   | nvkt       | PVG  |         |
| 614 | 29        | Nguyễn thị     | Khanh  | Trại   | Vanthu     | PVG  |         |
| 615 | 30        | Nguyễn thị Kim | Thống  | Trại   | Ktoán      | PVG  |         |
| 616 | 31        | Đào thị        | Báu    | Trại   | Ktoán      | PVG  |         |
| 617 | 32        | Nguyễn thị     | Thanh  | Trại   | Ktoan      | PVG  |         |
| 618 | 33        | Phạm thị       | Minh K | Trại   | Kysu       | PVG  |         |
| 619 | 34        | Trần quang     | Dịu    | Trại   | Kysu       | PVG  |         |
| 620 | 35        | Lê thị         | Hảo    | Trại   | Kysu       | PVG  |         |
| 621 | 36        | Nguyễn văn     | Trung  | Trại   | Kysu       | PVG  |         |
| 622 | 37        | Nguyễn Đình    | Thị    | Trại   | Kỹ sư      | PVG  |         |
| 623 | 38        | Trần Thị Lệ    | Thủy   | Trại   | Ktv        | PVG  |         |
| 624 | 39        | Vũ văn         | Liết   | Trại   | Gv, Q.Đốc  | QLG  |         |
| 625 | 40        | Nguyễn xuân    | Tiến   | Trại   | Gv, Ph. QB | QLG  |         |

24 Phòng CTSV

|     |   |                 |       |      |        |     |  |
|-----|---|-----------------|-------|------|--------|-----|--|
| 626 | 1 | Nguyễn đức      | Quang | CTSV | nvkt   | PVG |  |
| 627 | 2 | Lê thị Bích     | Liên  | CTSV | nvkt   | PVG |  |
| 628 | 3 | Nguyễn Văn      | Năm   | CTSV | Nhvien | PVG |  |
| 629 | 4 | Bùi trung       | Sơn   | CTSV | Nhvien | PVG |  |
| 630 | 5 | Vũ đình         | Tâm   | CTSV | Nhvien | PVG |  |
| 631 | 6 | Nguyễn Quang    | Phong | CTSV | Nhvien | PVG |  |
| 632 | 7 | Nguyễn đồ       | Thảo  | CTSV | Nhvien | PVG |  |
| 633 | 8 | Đoàn tử         | Duẩn  | CTSV | Nhvien | PVG |  |
| 634 | 9 | Nguyễn T. Tuyết | Sơn   | CTSV | Ktoán  | PVG |  |

25 Phòng TNTT

|     |   |           |      |            |             |     |  |
|-----|---|-----------|------|------------|-------------|-----|--|
| 635 | 1 | Hoàng Hải | Hà   | Phòng TNTT | Kỹ sư       | PVG |  |
| 636 | 2 | Ngô xuân  | Mạnh | Phòng TNTT | Gvc, Tr. TT | QLG |  |
| 637 | 3 | Vũ Thị    | Đào  | Phòng TNTT | Kỹ sư       | HG  |  |



| STT | Họ và tên | Đơn vị | Chức danh | DHTĐ | Ghi chú |
|-----|-----------|--------|-----------|------|---------|
|-----|-----------|--------|-----------|------|---------|

26. Ban KTCB

|     |   |                |       |      |             |     |
|-----|---|----------------|-------|------|-------------|-----|
| 636 | 1 | Đặng Thị Thanh | Dương | KTCB | KTV chính   | PVG |
| 637 | 2 | Phạm Thị       | Thanh | KTCB | Thủ quỹ     | PVG |
| 638 | 3 | Bùi Duy        | Sơn   | KTCB | TKV, Tr.Ban | QLG |

27. Khoa Quân sự

|     |   |             |       |       |                  |     |
|-----|---|-------------|-------|-------|------------------|-----|
| 639 | 1 | Phạm        | Song  | K.Qsự | Giáo viên, Tr.BM | DG  |
| 640 | 2 | Nguyễn Xuân | Thiệp | K.Qsự | Giáo viên        | DG  |
| 641 | 3 | Nguyễn Văn  | Thế   | K.Qsự | CVC              | PVG |

Danh sách có 641 CBCNV đạt danh hiệu Lao động giỏi.

Trong đó: 324 DG (dạy giỏi)  
272 PVG (phục vụ giỏi)  
29 HG (học giỏi)  
16 QLG (quản lý giỏi)

HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP I

